

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: /TTr-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 1

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Phòng thủ dân sự

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số/2022/QH15 ngày tháng năm 2022 của Quốc hội khóa XV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022; Quyết định số/QĐ-TTg ngày tháng năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023; quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Bộ Quốc phòng báo cáo, xin trình Chính phủ dự án Luật Phòng thủ dân sự với những nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Phòng thủ dân sự là bộ phận của phòng thủ đất nước bao gồm các biện pháp phòng, chống chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân (khoản 1 Điều 13 Luật Quốc phòng). Phòng thủ dân sự bao gồm tổng thể các hoạt động được chuẩn bị từ thời bình và khi có chiến tranh xảy ra để chủ động phòng, chống thảm họa do chiến tranh, thảm họa do con người hoặc thiên nhiên gây ra nhằm bảo đảm an toàn hoặc hạn chế thấp nhất mức độ thiệt hại về người và tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Với ý nghĩa quan trọng đó, trong những năm qua, công tác phòng thủ dân sự luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo thực hiện. Thể chế về công tác phòng thủ dân sự từng bước được hoàn thiện với việc ban hành một số đạo luật về ứng phó, khắc phục sự cố trong từng lĩnh vực, như: Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Đê điều; Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Luật Phòng cháy, chữa cháy; Luật Năng lượng nguyên tử; Luật Bảo vệ môi trường... Tổ chức hoạt động ứng phó sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn cơ bản được hoàn thiện từ cơ quan quản lý nhà nước đến các bộ, ngành, địa phương; lực lượng ứng phó sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn đã từng bước được củng cố theo hướng chuyên môn

hóa, xây dựng lực lượng chuyên trách gắn với tập huấn, bồi dưỡng lực lượng kiêm nhiệm; năng lực ứng phó sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn đã được củng cố và phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đáp ứng được một phần quan trọng về công tác phòng thủ dân sự.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động phòng thủ dân sự thời gian qua cũng tồn tại một số hạn chế, như: Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện; một số cơ chế, chính sách chưa sát với thực tế, thiếu tính khả thi, chưa đáp ứng được với yêu cầu công tác phòng thủ dân sự. Công tác quy hoạch còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, tính tổng thể, liên ngành, liên vùng; chưa rõ trọng tâm, trọng điểm, nguồn lực thực hiện. Công tác dự báo, cảnh báo mặc dù có nhiều bước tiến, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, có lúc thiếu chính xác, không kịp thời, nhất là các loại hình thảm họa như lũ quét, sạt lở đất... nên gặp nhiều khó khăn trong chỉ đạo phòng chống và chuẩn bị lực lượng, phương tiện ứng phó. Hệ thống kết nối dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động thông tin phòng thủ dân sự chưa đáp ứng được yêu cầu. Kết cấu hạ tầng một số công trình chưa gắn kết chặt chẽ với công trình, thiết bị phòng thủ dân sự. Một số địa phương chưa quan tâm đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ dân sự hoặc khi xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu bảo đảm tính lưỡng dụng trong phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng khi xảy ra các thảm họa, chiến tranh. Tổ chức quản lý nhà nước và phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, địa phương chưa thực sự tinh, gọn, hiệu quả; tổ chức thực hiện chưa thực sự chủ động, cương quyết; hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa cao...

Những hạn chế, bất cập nêu trên đặt ra yêu cầu phải xây dựng một đạo luật về phòng thủ dân sự, cụ thể như sau:

Thứ nhất, phòng thủ dân sự là một khái niệm rộng, bao gồm tổng thể các biện pháp phòng, chống chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố. Đồng thời, các trường hợp xảy ra thảm họa, sự cố rất đa dạng, diễn ra ở mọi lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Mặc dù một số văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, tuy nhiên, các văn bản này chỉ áp dụng cho việc phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố cho từng lĩnh vực cụ thể nên còn tản mát, riêng lẻ, thiếu vắng các quy định có tính nguyên tắc ở tầm luật liên quan đến phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố để áp dụng thống nhất.

Thứ hai, bên cạnh việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, nội dung của phòng thủ dân sự được quy định tại Điều 13 Luật Quốc phòng còn bao gồm các biện pháp phòng, chống chiến tranh và bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, Luật Quốc phòng cũng đã có những quy định liên quan đến các biện pháp phòng, chống chiến tranh (từ Điều

17 đến Điều 22) nên vấn đề này sẽ được áp dụng thống nhất theo Luật Quốc phòng. Tuy nhiên, việc giảm nhẹ, khắc phục thảm họa do chiến tranh gây ra và bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân là những vấn đề lớn, liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân và tình hình an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, cần được quy định tại văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất là luật nhưng hiện nay mới chỉ được quy định tại Nghị định số 02/2019/NĐ-CP nên chưa bảo đảm yêu cầu.

Thứ ba, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đề ra yêu cầu “*Sau năm 2010, xây dựng mới các đạo luật về phòng thủ dân sự, giáo dục quốc phòng, bảo vệ các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia, chống khủng bố...*”. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai yêu cầu “*Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan theo hướng khắc phục các chồng chéo, xung đột, bổ sung các quy định mới bảo đảm sự thống nhất, phù hợp, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, khả thi, thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai*”.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 như sau: “*Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu...*”. Do đó, cần cụ thể hóa đầy đủ chủ trương đã được Đảng đề ra tại các văn bản nêu trên nhằm nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa góp phần củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Thứ tư, khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”. Tuy nhiên, việc huy động lực lượng, phương tiện tham gia phòng thủ dân sự mới chỉ được quy định tại các văn bản dưới luật, cụ thể: Nghị định số 30/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010 của Chính phủ về huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 145/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ về huy động nhân lực, cơ sở hạ tầng viễn thông bổ sung cho lực lượng Thông tin liên lạc thường trực của Quân đội; Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 về phòng thủ dân sự; Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính

phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt... Trong số đó, có một số văn bản thuộc trường hợp ban hành Nghị định theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội (Nghị định số 81/2019/NĐ-CP...).

Thứ năm, trong thời gian tới, tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định. Bên cạnh đó, công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm tăng nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố, nhất là sự suy thoái môi trường, bão, lụt, lũ quét trái mùa, dịch bệnh nguy hiểm... và có thể gây ra những thiệt hại khôn lường về người và tài sản nếu không thực hiện tốt công tác phòng thủ dân sự. Tình hình đó đặt ra yêu cầu ngày càng nặng nề và phức tạp hơn cho công tác phòng thủ dân sự, đòi hỏi phải hoàn thiện đầy đủ cơ sở pháp lý để có thể chủ động phòng, chống, ứng phó hiệu quả với các mối đe dọa, bảo đảm an ninh, an toàn cho đất nước khi có tình huống xảy ra, đáp ứng yêu cầu bảo vệ đất nước trong tình hình mới.

Thứ sáu, nghiên cứu pháp luật của một số nước trên thế giới cho thấy, phòng thủ dân sự là vấn đề được các nước hết sức coi trọng. Một số nước đã ban hành đạo luật riêng để điều chỉnh về phòng thủ dân sự hoặc các vấn đề liên quan đến phòng thủ dân sự, như: Liên Bang Nga¹; Nhật²; Thụy Điển; Đan Mạch; Mỹ; Pháp; Phi-lip-pin; Trung Quốc... Các đạo luật về phòng thủ dân sự ở các quốc gia này thể hiện rõ khái niệm, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc tổ chức, sử dụng lực lượng, công tác chuẩn bị bảo đảm cho các lực lượng tham gia nhiệm vụ phòng thủ dân sự...

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích xây dựng Luật

Tăng cường các biện pháp phòng ngừa và bảo đảm tính chủ động trong công tác phòng, chống thảm họa do thiên tai, dịch bệnh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; bảo vệ cho người dân, cơ quan, tổ chức, kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường...; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự. Nâng cao năng lực về phòng thủ dân sự, góp phần làm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố, thảm họa gây ra; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và từng bước hội

¹Ban hành Luật về phòng thủ dân sự, Luật về an toàn bức xạ cho dân cư, Luật về lực lượng cứu hộ, cứu nạn và quyền lợi, nghĩa vụ của nhân viên cứu hộ.

²Ban hành Luật Cơ bản ứng phó thảm họa, Luật Hành động đặc biệt ứng phó động đất, Luật Hành động đặc biệt ứng phó quy mô lớn, Luật Hành động đặc biệt ứng phó thảm họa hạt nhân.

nhập quốc tế trong tình hình mới.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

a) Thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

b) Bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với Hiến pháp năm 2013, Luật Quốc phòng năm 2018 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Tăng cường tính chủ động phòng ngừa, ứng phó với thảm họa do chiến tranh, thảm họa do thiên tai, sự cố; nâng cao năng lực tổ chức điều hành, chỉ huy; bảo đảm nguồn lực thực hiện; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

d) Bảo đảm tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về phòng thủ dân sự đã được thực tiễn kiểm nghiệm thấy phù hợp, đồng thời bổ sung những vấn đề mới để giải quyết những nội dung về phòng thủ dân sự đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

đ) Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức và hoạt động phòng thủ dân sự của một số nước phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Theo Nghị quyết số/2022/QH15 ngày tháng năm 2022 của Quốc hội khóa XV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, dự án Luật Phòng thủ dân sự sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10 năm 2022), trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5 năm 2023). Trong quá trình xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự, Bộ Quốc phòng đã thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Tổng kết, đánh giá thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự;

- Lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật; Thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng dự án Luật; Chuẩn bị các tài liệu trong hồ sơ dự án Luật;

- Tổ chức khảo sát, Hội thảo và lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương đối với dự án Luật;

- Tiến hành rà soát các nội dung của dự án Luật để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của dự án Luật với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; bảo đảm tính tương thích của nội dung dự án Luật với

Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự án Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

Nội dung Luật Phòng thủ dân sự tập trung vào 06 chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28/02/2022 Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 02 năm 2022, bao gồm:

- Chính sách 1: Đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố trong hoạt động phòng thủ dân sự;
- Chính sách 2: Phân công trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố;
- Chính sách 3: Quy định các biện pháp bảo vệ người dân trước thảm họa, sự cố và hỗ trợ người dân bị thiệt hại;
- Chính sách 4: Đổi mới tổ chức của Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia;
- Chính sách 5: Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (big data) trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố;
- Chính sách 6: Quy định về tình trạng khẩn cấp trong Phòng thủ dân sự.

Bố cục và nội dung cơ bản:

Dự thảo Luật Phòng thủ dân sự gồm 7 chương, 84 Điều, cụ thể:

1. Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 10)

Chương này quy định về: Phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc hoạt động phòng thủ dân sự; chính sách của Nhà nước trong phòng thủ dân sự; các dạng thảm họa, sự cố; đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố; khoa học và công nghệ trong phòng thủ dân sự; hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự; các hành vi bị nghiêm cấm; nguyên tắc áp dụng pháp luật.

2. Chương II. Hoạt động phòng thủ dân sự (từ Điều 11 đến Điều 42)

Chương này quy định về: Xây dựng Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự; xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự; xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự; chuẩn bị trang thiết bị, vật tư, nhu yếu phẩm phục vụ phòng thủ dân sự; tiếp nhận, xác minh, đánh giá, theo dõi, giám sát thảm họa, sự cố; tuyên truyền, giáo dục về phòng thủ dân sự; đào tạo, huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự; thông tin khi có nguy cơ thảm họa, sự cố; thông tin về thảm họa, sự cố; các biện pháp được áp dụng khi có nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố; chuẩn bị lực lượng, phương tiện; tổ chức lãnh đạo, chỉ huy; phân loại cấp độ thảm họa, sự cố; thẩm quyền công bố cấp độ thảm họa, sự cố; huy động lực lượng, phương tiện;

phân công trách nhiệm ứng phó thảm họa, sự cố; các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1, 2, 3. Quy định về: Ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; Nguyên tắc tổ chức thi hành Nghị quyết, Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp; lực lượng thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp; huy động các lực lượng và phương tiện bổ sung để đảm bảo chế độ tình trạng khẩn cấp; các biện pháp, chính sách áp dụng trong tình trạng khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm; bảo đảm hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc các ngành điện, nước, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, vệ sinh, y tế; biện pháp xử lý người bị bắt, tạm giữ trong tình trạng khẩn cấp; áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đặc biệt về hành chính, tư pháp trong tình trạng khẩn cấp; các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa, sự cố; Các biện pháp đặc biệt hỗ trợ ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố cấp độ 3 và cấp độ 4; hoạt động khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; thống kê, đánh giá thiệt hại; hình thức, đối tượng và nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ; huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ.

3. Chương III. Lực lượng phòng thủ dân sự (từ Điều 43 đến Điều 51)

Chương này quy định về: Lực lượng phòng thủ dân sự; nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng chuyên trách phòng thủ dân sự; nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiêm nhiệm phòng thủ dân sự; cơ quan chỉ đạo, chỉ huy về phòng thủ dân sự; tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự; tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy về phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành Trung ương; tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh; tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện; tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã.

4. Chương IV. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự (từ Điều 52 đến Điều 55)

Chương này quy định về: Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân; quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động phòng thủ dân sự tại Việt Nam.

5. Chương V. Nguồn lực, chế độ, chính sách đối với người tham gia hoạt động phòng thủ dân sự (từ Điều 56 đến Điều 60)

Chương này quy định về: Nguồn lực cho phòng thủ dân sự; Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố; chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự; chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ lực lượng phòng thủ dân sự; bảo hiểm rủi ro

do thảm họa, sự cố.

6. Chương VI. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự (từ Điều 61 đến Điều 82)

Chương này quy định về: Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải; trách nhiệm của Bộ Tài chính; trách nhiệm của Bộ Xây dựng; trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; trách nhiệm của Bộ Y tế; trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường; trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông; trách nhiệm của Bộ Công Thương; trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ; trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trách nhiệm của Bộ Ngoại giao; trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trách nhiệm của các Bộ, ngành; trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; kiểm tra, thanh tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự; xử lý vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự.

7. Chương VII. Hiệu lực thi hành (từ Điều 83 đến Điều 84).

V. TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CÙNG LĨNH VỰC VÀ CÁC LĨNH VỰC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT

Luật Phòng thủ dân sự quy định việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, khắc phục thảm họa do chiến tranh; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; quyền và nghĩa vụ của công dân, chế độ, chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng thủ dân sự.

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật hiện hành đã có quy định về phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố ở một số lĩnh vực, dự án Luật Phòng thủ dân sự sẽ không thay thế các Luật hiện hành mà sẽ bổ khuyết vào những khoảng trống pháp luật. Theo đó, Luật sẽ quy định cụ thể về các biện pháp giảm nhẹ, khắc phục thảm họa do chiến tranh gây ra và bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố. Trường hợp pháp luật đã có quy định về phòng, chống, khắc phục các loại thảm họa, sự cố cụ thể (như Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Phòng cháy chữa cháy...) thì áp dụng quy định của pháp luật đó. Trường hợp pháp luật không có quy định cụ thể thì áp dụng các nguyên tắc, biện pháp được quy định tại Luật Phòng thủ dân sự.

Với nguyên tắc áp dụng pháp luật như trên, các quy định của dự thảo Luật

Phòng thủ dân sự không chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đồng thời, trong quá trình xây dựng dự án Luật, Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát các văn bản pháp luật có liên quan để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự.

VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu, rà soát các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt, đã nghiên cứu quy định tại Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và các Công ước khác về quyền con người mà Việt Nam tham gia để phù hợp với quy định việc quyền không bị giới hạn và những quyền có thể bị giới hạn trong tình trạng khẩn cấp, bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế nêu trên.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Phòng thủ dân sự, Bộ Quốc phòng xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Gửi kèm theo Tờ trình này gồm:

- (1) Dự thảo Luật Phòng thủ dân sự.
- (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
- (3) Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến các Bộ, ngành, địa phương.
- (4) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật.
- (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Luật.
- (6) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.
- (7) Báo cáo kết quả tổng kết thi hành quy định pháp luật về phòng thủ dân sự.
- (8) Các nghị định quy định chi tiết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- BTTM, TCCT;
- Lưu: VP, PC.T07.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Nguyễn Tân Cương